HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2025/NQ-HĐND	*Quảng Ninh, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ ….

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 06/2003/PL-UBTVQH11 về Dân số ngày 09/01/2003; Pháp lệnh số 08/2008/PL-UBTVQH12 về sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số ngày 27/12/2008;

Căn cứ Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16/9/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số; Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số; Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17/3/2011 của Chính phủ sửa đổi khoản 6 Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số; Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương; Quyết định số 80/QĐ-TTg, ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về "Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050"; Kế hoạch số 195-KH/TU, ngày 01/6/2018 của Tỉnh ủy Quảng Ninh và Kế hoạch số 56/KH-UBND, ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số; Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác

viên dân số; Thông tư số 23/2021/TT-BYT ngày 09/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Căn cứ Quyết định số 5335/QĐ-BYT ngày 18/11/2021 của Bộ Y tế đính chính Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số;

Xét Tờ trình số ……./TTr-UBND ngày ….. tháng …….năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ công tác dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Các chính sách hỗ trợ công tác dân số không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú từ 6 tháng trở lên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Thôn, bản, khu phố, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c) Cộng tác viên thực hiện công tác dân số tại thôn, bản, khu phố thuộc xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, công khai, minh bạch, khách quan, hiệu quả, đúng nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực và mức hỗ trợ.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí chỉ được áp dụng sử dụng một lần để hưởng chính sách hỗ trợ này.

3. Các nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết này, nếu có văn bản khác của cấp có thẩm quyền cùng điều chỉnh thì đối tượng hỗ trợ chỉ được hưởng mức cao nhất của một trong các chế độ hỗ trợ hiện hành.

4. Kinh phí hỗ trợ cho cá nhân sử dụng nhằm động viên khuyến khích cá nhân; Kinh phí hỗ trợ tập thể để tổ chức các hoạt động truyền thông về nội dung dân số và phát triển, tổ chức sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, sân khấu hoá lồng ghép

nội dung dân số và phát triển, tổ chức các hoạt động biểu dương, thưởng các cá nhân, tập thể tại cộng đồng.

Điều 3. Chính sách duy trì vững chắc mức sinh thay thế

1. Đối với tập thể

a) Đối với xã, phường, thị trấn:

- Hỗ trợ bằng tiền mức 30 triệu đồng (Ba mươi triệu đồng) đối với xã, phường, thị trấn có 02 năm liên tục đạt 70% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con tính đến thời điểm xét duyệt.

b) Đối với thôn, bản, khu phố:

- Hỗ trợ bằng tiền mức 15 triệu đồng (Mười lăm triệu đồng) đối với thôn, bản, khu phố có 02 năm liên tiếp đạt trên 70% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con tính đến thời điểm xét duyệt.

2. Đối với cá nhân

a) Hỗ trợ một lần bằng tiền mức 05 triệu đồng (Năm triệu đồng) đối với cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi (tính theo tuổi người vợ), tại thời điểm được hỗ trợ 02 con không suy dinh dưỡng, có sử dụng các biện pháp tránh thai dài hạn (đặt dụng cụ tử cung, tiêm thuốc tránh thai, cấy thuốc tránh thai).

b) Hỗ trợ bằng tiền mức 05 triệu đồng/năm (Năm triệu đồng) đối với Cộng tác viên dân số thực hiện đúng chính sách dân số tại gia đình, không vi phạm các quy định của nhà nước và của địa phương tại thời điểm xét hỗ trợ; và thực hiện đạt các chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia thực hiện tầm soát trước sinh, tầm soát sơ sinh, khám sức khoẻ tiền hôn nhân, 70% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 2 con, kế hoạch hoá gia đình, đạt chỉ tiêu số người cao tuổi được khám sức khoẻ định kỳ ít nhất 01 lần/năm; không có tảo hôn, không có hôn nhận cận huyết thống tại địa bàn phụ trách.

Điều 4. Hỗ trợ chi trả thực hiện các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

1. Hỗ trợ đối với phụ nữ, nam giới trong độ tuổi sinh đẻ là người khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội; người làm việc trên biển, đi biển dài ngày (từ 15 ngày trở lên); người dân tộc thiểu số; người sống tại thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi mà không được bảo hiểm y tế thanh toán khi thực hiện các biện pháp tránh thai tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và tuyến trên khi thực hiện việc chuyển tuyến đảm bảo theo đúng quy định của Luật khám, chữa bệnh thì được cấp phương tiện tránh thai miễn phí và phí chi trả thực hiện dịch vụ; mức hỗ trợ theo quy định giá khám, chữa bệnh hiện hành.

2. Người trong độ tuổi sinh đẻ thường trú tại Quảng Ninh có đủ từ 02 con trở lên tự nguyện thực hiện các biện pháp đình sản nam hoặc nữ được hỗ trợ một lần bằng tiền với mức: 05 triệu đồng (Năm triệu đồng)/người.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ góp phần nâng cao chất lượng dân số

1. Tầm soát trước sinh và tầm soát sơ sinh.

Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh có mẹ cư trú trên địa bàn tỉnh từ 6 tháng trở lên là đối tượng bảo trợ xã hội, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người sống tại thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi mà không được bảo hiểm y tế thanh toán khi thực hiện dịch vụ tầm soát 04 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất *(Hội chứng Edward, Hội chứng Down, Hội chứng Patau và bệnh Tan máu bẩm sinh Thalassemia.)* đối với phụ nữ mang thai; 05 bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất (*Bệnh Suy giáp trạng bẩm sinh, bệnh Thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh và bệnh Tim bẩm sinh)* cho trẻ sơ sinh thì được hỗ trợ thanh toán, mức hỗ trợ 2.000.000đ/trường hợp/lần.

2. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Hỗ trợ bằng tiền mức 20 triệu đồng (Hai mươi triệu đồng) đối với xã trong năm đạt đầy đủ các tiêu chí sau: có 100% người cao tuổi *(từ 60 tuổi trở lên)* có thẻ bảo hiểm y tế được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám định kỳ ít nhất một lần trên năm; thành lập ít nhất một câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau; mỗi thôn có ít nhất một câu lạc bộ rèn luyện, văn hóa thể thao, giải trí cho người cao tuổi tổ chức hoạt động theo đúng quy định.

Điều 6: Chính sách kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh

Hỗ trợ một lần bằng tiền mức 20 triệu đồng (Hai mươi triệu đồng) đối với xã đạt 100% thôn có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước.

Điều 7. Kinh phí thực hiện chính sách

Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách tỉnh được giao trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban Nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; Định kỳ 5 năm thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết cho phù hợp với đặc điểm tình hình công tác dân số của tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng Nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, kỳ họp thứ ….. thông qua ngày ……. tháng …… năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày …….tháng …….năm 2024.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về một số biện pháp, cơ chế, chính sách thực hiện công tác dân số - KHHGĐ đến năm 2010 và những năm tiếp theo và

Nghị quyết số 58/2012/NQ-HĐND ngày 11/7/2012 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chính sách hỗ trợ người trong độ tuổi sinh đẻ tự nguyện thực hiện biện pháp đình sản và hỗ trợ các xã, phường, thị trấn 2 năm liền không có người sinh con thứ 3 trở lên./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, Y tế, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- VP và các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành của tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Chi cục DS-KHHGĐ;
- Lưu: VT.